ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 586/KH-UBND), UBND tỉnh báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

- Để triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 586/KH-UBND, UBND tỉnh đã ban hành 14 kế hoạch, 06 quyết định triển khai các nội dung quan trọng về chuyển đổi số. Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh Ủy ban hành Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 27/5/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo giải quyết nhiều vấn đề phát sinh, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để triển khai công tác chuyển đổ số như: Kết nối liên thông chia sẻ dữ liệu; hướng dẫn quy trình lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư về công nghệ thông tin (CNTT); an toàn thông tin; tăng cường hiệu quả quản lý, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số 6 tháng cuối năm 2023,... UBND tỉnh cũng đã ban hành Bộ chỉ số và đầu tư phần mềm đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, là bộ công cụ giúp đánh giá kết quả chuyển đổi số của từng sở, ban, ngành, địa phương chính xác, phù hợp với tình hình thực tế triển khai.

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện cũng đã chủ động, kịp thời xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của ngành, địa phương mình, cụ thể: 17/21 sở, ban, ngành và 19/21 UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2023[1]; 14/21

[1] Các đơn vị chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2023: BQL KKT Đông Nam; Các Sở: Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ; UBND thị xã Cửa Lò; UBND thị xã Hoàng Mai.

sở, ban, ngành và 20/21 UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn[1]. Đến nay, 100% các sở, ban ngành và UBND cấp huyện đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số. Tuy nhiên, tính đến ngày 11/9/2023 có 02 Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp huyện không phải là người đứng đầu đơn vị, địa phương[2].

- Về công tác tuyên truyền: Các sở, ban, ngành, địa phương đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, học tập, quán triệt nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp, người dân về tính cấp thiết và sự cần thiết của chuyển đổi số. Công tác truyền thông thúc đẩy quá trình chuyển đổi số luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện, triển khai đồng bộ đổi mới nội dung, hình thức, tần suất tuyên truyền, đa dạng các phương thức truyền thông, từ hệ thống truyền thanh cơ sở đến trang/cổng thông tin điện tử và sử dụng các nền tảng mạng xã hội để thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền, kết quả cụ thể: Trang thông tin chuyển đổi số của tỉnh (https://dx.nghean.gov.vn) là kênh thông tin chính thống để cập nhật và đưa thông tin về chuyển đổi số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, Tổ công nghệ số cộng đồng, người dân và doanh nghiệp về các chính sách pháp luật, sáng kiến, cách làm hay về chuyển đổi số. Từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 8 năm 2023 đã đăng tải 57 tin bài, thu hút được gần 40 nghìn lượt người theo dõi. Ngoài ra, hàng trăm lượt tin bài tuyên truyền về chuyển đổi số được đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử 3 cấp tỉnh, huyện, xã. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng, in, phát hành Bản tin Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An gửi đến các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã để tuyên truyền, nâng cao nhận thức chuyển đổi số. Báo Nghệ An, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh đều có Chuyên mục về Chuyển đổi số. Các cơ quan báo chí, truyền thông đã xây dựng và đăng tải hàng trăm lượt tin, phóng sự trên báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình để tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của chuyển đổi số: Triển khai 508 mô hình điểm về tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện dịch vụ công, cài đặt, kích hoạt định danh điện tử; xây dựng hệ thống pano, tờ rơi tuyên truyền tại các trụ sở cơ quan, đơn vị và các tuyến đường,… Xây dựng phóng sự tuyên truyền về mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số tại tất cả các ngành, lĩnh vực và địa phương, đặc biệt về các nội dung: Mô hình chuyển đổi số cấp xã, triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, các tiện ích của cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư và ứng dụng VNeID.

---

[1] Các đơn vị chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn: BQL KKT Đông Nam; Các Sở: Văn hóa và Thể thao, Xây Dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Ngoại vụ, Y tế; UBND huyện Quỳnh Lưu.

[2] Gồm UBND các địa phương: Nghi Lộc, Tương Dương.

2. Phát triển hạ tầng số

- Về hiện trạng mạng viễn thông băng rộng di động tính đến ngày 30/8/2023: Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: 98 (3.3348.092 thuê bao). Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (SMP)/tổng thuê bao điện thoại di động: 75,7%. Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed): 29,45Mbps. Số lượng thôn, bản được phủ sóng băng rộng di động: 3.743/3.806 thôn, bản. Số lượng thôn, bản chưa được phủ sóng băng rộng di động: 63/3.806 thôn, bản. Hiện đang thí điểm triển khai internet 5G tại thành phố Vinh. Phấn đấu trước năm 2025, 100% thôn, bản trên địa bàn tỉnh được phủ sóng thông tin di động.

- Hiện trạng mạng viễn thông băng rộng cố định tính đến ngày 30/08/2023: Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 15,4 (527.329 thuê bao). Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: 62,7% (527.329 thuê bao). Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed): 62,48Mbps.

- Đối với Hạ tầng số cơ quan nhà nước: Các nền tảng số, phần mềm dùng chung của tỉnh đều được triển khai trên các nền tảng điện toán đám mây bảo đảm vận hành hiệu quả, an toàn thông tin (được triển khai theo hình thức thuê dịch vụ CNTT); 100% cán bộ, công chức toàn tỉnh có máy tính sử dụng, kết nối mạng LAN, mạng Internet. 100% các cơ quan nhà nước, từ cấp tỉnh đến cấp xã được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng với trên 870 điểm kết nối.

- Triển khai thực hiện việc rà soát các hệ thống thông tin hiện có và các hồ sơ đầu tư về CNTT có liên quan đến Đề án 06 để cập nhật, nâng cấp các thành phần CNTT thiết yếu cần thiết, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật, bảo đảm an toàn, an ninh mạng; hướng dẫn về áp dụng tiêu chuẩn, định mức triển khai đảm bảo theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0).

- Thực hiện chuyển đổi IPv6 cho Cổng thông tin điện tử tỉnh, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính; người dùng có thể truy cập cho song song địa chỉ IPv4 và IPv6 trên môi trường mạng.

- Hoàn thành việc hợp nhất cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử của tỉnh thành hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình được vận hành ổn định, hiệu quả, đáp ứng tốt các điều kiện để tổ chức các hội nghị, tập huấn, giao ban trực tuyến giữa Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ban, ngành với cấp huyện, cấp xã.

- Hoàn thành kết nối kỹ thuật từ LGSP cấp tỉnh tới nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP/NDXP) để khai thác 17 dịch vụ đã sẵn sàng cung cấp theo Công văn số 1832/BTTTT-THH ngày 16/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đôn đốc, thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bao gồm:

TT	CSDL/HTTT	Chủ quản
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Bộ Công an
3	Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
4	Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường
5	Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp
6	Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	Bộ Tài chính
7	Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện	Bộ Giao thông vận tải
8	Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến	Bộ Tư pháp
9	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Bộ Tư pháp
10	Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Bộ Tài chính
11	Hệ thống thông tin danh mục điện tử dùng chung	Bộ Thông tin và Truyền thông
12	Liên thông Tài nguyên Môi trường - Thuế	Bộ Tài nguyên và Môi trường
13	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải
14	Cổng dịch vụ công ngành xây dựng	Bộ Xây dựng
15	Hệ thống dịch vụ bưu chính công ích	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
16	Hệ thống mã bưu chính Vpostcode	
17	Hệ thống dịch vụ, tiện ích ngành điện	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)
18	Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
19	Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước	Bộ Giao thông vận tải

- Đã tích hợp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh để khai thác dữ liệu một số dịch vụ:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam).

+ Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp).

+ Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính).

+ Hệ thống Dịch vụ bưu chính công ích của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (vnPOST).

+ Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

+ Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước (Bộ Giao thông vận tải).

+ Số lượng kết nối được ghi nhận qua hệ thống LGSP tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 14/8/2023: Kết nối Tư pháp (174.762); Kết nối Bảo hiểm xã hội (111.139); Kết nối Kế hoạch đầu tư (314.615); Kết nối vnPost (4.689); Kết nối Giao thông vận tải (815); Kết nối Lao động - Thương binh và Xã hội (1.852).

+ Số lượng liên thông văn bản tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày 14/8/2023: Văn bản gửi: 390.787; Văn bản nhận: 2.021.844.

- Hiện nay, tỉnh nghệ An chưa có trung tâm tích hợp dữ liệu riêng, các ứng dụng dùng chung của tỉnh đa phần được cung cấp bởi dịch vụ lưu trữ và quản lý của doanh nghiệp (chủ yếu là VNPT Nghệ An). Một số cơ quan, đơn vị do nhu cầu lưu trữ riêng đã đầu tư hệ thống máy chủ. Hiện nay có 240 máy chủ, trong đó có 148 máy chủ ở cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 92 máy chủ ở 21 huyện.

- Thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; năm 2023, tỉnh Nghệ An đã đưa vào vận hành Hệ thống thu thập, thẩm định và chia sẻ dữ liệu tỉnh Nghệ An (data.nait.vn). Hệ thống được xây dựng có vai trò vừa thực hiện tổng hợp, phân tích, chuẩn hóa dữ liệu, vừa xây dựng kho dữ liệu phong phú với thông tin thuộc nhiều lĩnh vực. Các cơ sở dữ liệu này sẽ tạo thành hệ thống các cơ sở dữ liệu lõi trong cơ quan nhà nước và có mối quan hệ, thống nhất với nhau từ đó tạo lập kho cơ sở dữ liệu của tỉnh.

3. Phát triển nhân lực chuyển đổi số

- Nhân lực chuyển đổi số là một trong những yếu tố quyết định đến thành công của quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; trong thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành các chương trình, kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, về bảo đảm an toàn thông tin trong chuyển đổi số cho các cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-UBQGCĐS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 15/6/2023 về việc bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023. Theo đó, phấn đấu đạt 100% cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Tổ công nghệ số cộng đồng cấp phường, xã và cấp thôn, bản trên địa bàn tỉnh tham gia, hoàn thành chương trình.

- Về đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT: Hiện nay, toàn tỉnh có 66 cán bộ chuyên trách CNTT đang làm việc tại các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 4282/QĐ-UBND ngày 29/12/2022. Hiện còn 07/21 sở, ban, ngành và 08/21 UBND cấp huyện chưa bố trí được cán bộ chuyên trách CNTT[1].

- Về kết quả triển khai nhiệm vụ nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo CNTT trong các cấp giáo dục phổ thông:

---

[1] Các đơn vị chưa bố trí được cán bộ chuyên trách CNTT gồm: BQL KKT Đông Nam, Thanh tra tỉnh; các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây Dựng, Giao thông Vận tải, Ngoại Vụ, Y tế; UBND các địa phương: Nghi Lộc, Anh Sơn, Con Cuông, Diễn Châu, Hưng Nguyên, Tân Kỳ, Cửa Lò, Hoàng Mai.

+ Số cơ sở giáo dục (theo bậc học) đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức 1, 2 và 3 (theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo): Tiểu học: Mức 1: 400/518 đạt tỷ lệ 77,22%, Mức 2, 3: 118/518 đạt tỷ lệ 22,78%; THCS: Mức 1: 265/401 đạt tỷ lệ 66,08%, Mức 2, 3: 136/401 đạt tỷ lệ 33,92%; THPT: Mức 1: 80/90 đạt tỷ lệ 88,9%, Mức 2, 3: 10/90 đạt tỷ lệ 11,1%. Trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục dạy nghề: 21 /21 đạt tỷ lệ 100%.

+ Số lượng giáo viên cốt cán được Sở Giáo dục và Đào tạo tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến: 5.036 giáo viên, chiếm tỷ lệ 13,92%. Số lượng giáo viên cốt cán được Sở Giáo dục và Đào tạo tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e-Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số: 1.954 giáo viên, chiếm tỷ lệ 5,4%. Số lượng cán bộ, giáo viên cốt cán được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục: 2.931 cán bộ, giáo viên, chiếm tỷ lệ 8,1%. Số lượng cán bộ, giáo viên cốt cán được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin: 3.908 cán bộ, giáo viên, chiếm tỷ lệ 10,8%. Số lượng cán bộ chuyên trách về CNTT và chuyển đổi số được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, an toàn thông tin: 1.019 cán bộ chuyên trách, chiếm tỷ lệ 100%.

+ Các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng đã xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chuyên ngành chuyển đổi số, công nghệ số và mở thêm các chuyên ngành đào tạo hoặc cập nhật, bổ sung nội dung đào tạo về chuyển đổi số, công nghệ số trong các chuyên ngành đào tạo hiện có. Đổi mới chương trình đào tạo và tăng chỉ tiêu đào tạo đối với các ngành công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ. Chuẩn hóa các chuyên ngành đào tạo gắn với nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài các chuyên ngành về CNTT được đào tạo ở các trường như Trường Cao đẳng KT - CN Việt Nam Hàn Quốc, Trường Cao đẳng kỹ thuật Việt Đức, Trường Cao đẳng nghề số 4 Bộ Quốc phòng, các trường đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng đều đưa môn Tin học là môn cơ bản. Hiện nay các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đều đã được triển khai sử dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Giáo dục nghề nghiệp, 100% các trường Cao đẳng trung cấp ứng dụng chuyển đổi số dạy học trực tuyến, 100% cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách CNTT tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đều được tập huấn kỹ năng chuyển đổi số.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn UBND cấp huyện triển khai thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn, bản. Tính đến ngày 30/8/2023, toàn tỉnh đã thành lập được 460 tổ cấp xã với 5.221 người tham gia; 3.793 tổ cấp thôn, xóm với 18.093 người tham gia.

4. Về Chính quyền số

- Năm 2023 là năm dữ liệu số Quốc gia, xác định một trong các mục tiêu, nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu là phát triển dữ liệu số và được UBND tỉnh cụ thể hóa tại Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 15/02/2023 về việc chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2023. UBND tỉnh đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Nghệ An. Hoàn thành việc xây dựng "Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Nghệ An". Hoàn thành kết nối kỹ thuật từ LGSP cấp tỉnh tới nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP/NDXP) để khai thác 17 dịch vụ đã sẵn sàng cung cấp theo nội dung Công văn số 1832/BTTTT-THH ngày 16/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đã tích hợp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh để khai thác dữ liệu một số dịch vụ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; hệ thống thông tin cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; hệ thống thông tin Dịch vụ bưu chính công ích của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (vnPOST); hệ thống thông tin đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến; hệ thống thông tin dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước. Triển khai Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước: Số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống thông tin do các Bộ, ngành triển khai (dân cư; đất đai; quy hoạch; giao thông; xây dựng; y tế; giáo dục và đào tạo; du lịch; tài nguyên và môi trường; nông nghiệp, nông thôn; bảo hiểm; văn hóa; công thương; thông tin kinh tế - xã hội; tài chính; khiếu nại tố cáo; công chứng, chứng thực; đăng ký doanh nghiệp; cán bộ, công chức; chính sách, an sinh xã hội; hộ nghèo; người có công; lao động, việc làm; thông tin và truyền thông; quản lý tài sản; dân tộc; thủ tục hành chính). Tổ chức nâng cấp, bổ sung chức năng kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An.

- Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính thiết yếu ưu tiên tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trong tháng 8/2023, toàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết được 106.074/130.993 hồ sơ (đạt 81%), gồm: (1) Cấp, cấp lại, cấp đổi thẻ Căn cước công dân (mức độ 3): 3.927/13.064 hồ sơ (đạt 30,1%); (2) Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân (mức độ 4): 41/41 hồ sơ (đạt 100%); (3) Đăng ký thường trú (mức độ 4): 40.519/40.566 hồ sơ (đạt 99,9%); (4) Đăng ký tạm trú (mức độ 4): 2.846/2.850 hồ sơ (đạt 99,9%); (5) Khai báo tạm vắng (mức độ 4): 43/43 hồ sơ (đạt 100%); (6) Thông báo lưu trú (mức độ 4): 15.085/15.085 lượt (đạt 100%); (7) Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy (mức độ 3): 8.780/9.228 hồ sơ; (đạt 95,1%) (8) Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm

hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (mức độ 4): 316/316 hồ sơ (đạt 100%); (9) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông (mức độ 4): 15.132/15.920 hồ sơ (đạt 95,1%); (10) Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (mức độ 4): 18/18 hồ sơ (đạt 100%); (11) Thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu (mức độ 4): 0 hồ sơ (lý do không có hồ sơ đề nghị của tổ chức). (12) Cấp phiếu lý lịch tư pháp (mức độ 3): 4.638/9.107 hồ sơ (đạt 51%); (13) Đăng ký khai sinh (mức độ 3): 1.840/1.949 hồ sơ (đạt 94.4%); (14) Đăng ký khai tử (mức độ 3): 1.062/1.152 hồ sơ (đạt 92,2%); (15) Đăng ký kết hôn (mức độ 3): 1.600/1.691 hồ sơ (đạt 94.6%); (16) Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện) (mức độ 4): 1.414/1.414 hồ sơ (đạt 100%); (17) Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện (thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện) (mức độ 4): 43/43 hồ sơ (đạt 100%); (18) Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ) (mức độ 4): 63/1.893 hồ sơ (đạt 3,3%); (19) Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe (mức độ 3, mức độ 4): 706/5.898 hồ sơ (đạt 12%); (20) Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân (mức độ 4): 4.235/4.864 hồ sơ (đạt 87,1%); (21) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (mức độ 3): 136/2.221 hồ sơ (đạt 6,1%); (22) Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình (mức độ 4): 8/8 hồ sơ (đạt 100%); (23) Liên thông đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi: 3.361/3.361 hồ sơ (đạt 100%); (24) Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí: 261/261 hồ sơ (đạt 100%).

- Hệ thống các phần mềm dùng chung của tỉnh phục vụ chính quyền điện tử tiếp tục được vận hành ổn định, bảo đảm an toàn thông tin, khai thác hiệu quả, hàng năm được nâng cấp đáp ứng tốt yêu cầu quản lý và điều hành liên thông các cấp, thúc đẩy cải cách hành chính, phục vụ các tổ chức, doanh nghiệp .

- Hoàn thành xây dựng hệ thống thu thập, thẩm định và chia sẻ dữ liệu tỉnh Nghệ An, là cơ sở để triển khai kho dữ liệu và cổng dữ liệu mở của tỉnh (data.nghean.gov.vn).

- Công an tỉnh Nghệ An đã phối hợp Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi cập nhật dữ liệu cá nhân các Hội vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: 1.024.412/1.024.412 trường hợp (đạt 100%). Theo đánh giá của Bộ Công an, Công an tỉnh Nghệ An là một trong những địa phương cập nhật dữ liệu Hội nhiều nhất toàn quốc.

- Các ngành, lĩnh vực đều tích cực triển khai hiệu quả các nền tảng, phần mềm dùng chung của các Bộ, ngành Trung ương liên thông đến cấp xã như: Công

an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường,…

- Về nghiên cứu khoa học, trong năm 2022-2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh triển khai 09 đề tài, dự án Khoa học công nghệ[1] về chuyển đổi số, góp phần đóng góp những kinh nghiệm, mô hình khoa học có giá trị phục vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Đồng thời hỗ trợ từ nguồn Khoa học công nghệ cho thành phố Vinh và huyện Hưng Nguyên xây dựng 02 mô hình chuyển đổi số cấp xã.

- Về tình hình hoạt động và quản trị, vận hành IOC tỉnh Nghệ An: Tỉnh Nghệ An đã ban hành quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 25/7/2020 về việc phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 với hai Tiểu giai đoạn thí điểm gồm 2020-2022, 2023-2025; kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Nghệ An; Tổ chức điều chỉnh, bổ sung quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Nghệ An. Thành phố Vinh cũng đã thành lập Tổ công tác triển khai thí điểm Đô thị thông minh và Quy chế tạm thời quản lý, vận hành IOC Thành phố Vinh. Thời gian qua đã tập trung xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh, thừa kế các hạ tầng thông tin hiện có, vận dụng được nguồn lực đầu tư từ các nhà tài trợ (xây dựng trung tâm điều hành thông minh tại Văn phòng UBND tỉnh, trung tâm điều hành thông minh tại UBND TP Vinh). Đưa vào hoạt động, quản trị, vận hành một số dịch vụ đô thị thông minh theo kế hoạch thí điểm: Phục vụ việc giám sát, cụ thể: (1) Kinh tế - Xã hội; (2) Hành chính công; (3) Hệ thống quản lý văn bản điện tử; (4) Hệ thống điều hành Y tế; (5) Hệ thống điều hành Giáo dục; (6) Hệ thống Quản lý phản ánh và tương tác trực tuyến; (7) Hệ thống Du lịch; (8) Hệ thống giám sát An toàn thông tin; (9) Giám sát An ninh trật tự và An toàn giao thông. Trong đó có 05 phân hệ lấy số liệu online: Hành chính công; Hệ thống Quản lý văn bản điện tử; Hệ thống điều hành Y tế; Hệ thống điều hành Giáo dục; Hệ thống quản lý phản ánh và tương tác trực tuyến; 02 phân hệ hiện đang cập nhật số liệu thủ công: Kinh tế - Xã hội; Hệ thống Du lịch; 01 phân hệ có dữ liệu mô phỏng: Giám sát An ninh trật tự và An toàn giao thông; 01 phân hệ đang triển khai thuê dịch vụ để kết nối:

---

[1] (1) Đề tài: Đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT và đề xuất giải pháp, mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An; (2) Đề tài: Ứng dụng CNTT số hóa hồ sơ tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An; (3) Đề tài: Ứng dụng CNTT số hóa CSDL hệ thống quản lý tại Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An (4) Dự án: Hỗ trợ xây dựng mô hình ứng dụng chương trình giáo dục STEM trong các nhà trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An; (5) Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh X-Quang phổi tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh"; (6) Dự án: Ứng dụng CNTT trong quản lý lực lượng dự bị động viên trên địa bàn tỉnh Nghệ An; (7) Dự án: Ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế (PACS) tại một số bệnh viện trên địa bàn thành phố Vinh; (8) Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo và kỹ thuật thị giác máy tính hỗ trợ phát hiện và chẩn đoán sớm ung thư vú tại bệnh viện Ung bướu Nghệ An; (9) Đề tài: Ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo phục vụ đánh giá, dự báo trượt lở đất trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại một số khu vực miền núi Nghệ An.

Hệ thống giám sát An toàn thông tin. Đang triển khai một số dịch vụ đô thị thông minh tại TP Vinh, thị xã Cửa Lò (camera giám sát bộ phận một cửa, mạng LAN, Đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT tại các xã/phường (TP Vinh); camera giám sát trật tự (Cửa Lò). Một số sở, ngành, lĩnh vực đã bước đầu xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ nền móng cho đô thị thông minh như hoàn thiện được các hệ thống thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số, một số nền tảng về xã hội số. Một số phân hệ đã được kết nối online, số liệu cập nhật thường xuyên, làm tiền đề cho việc xây dựng bài toán tổng thể phục vụ giám sát, ra quyết định. Một số hoạt động đã bước đầu có tác dụng hỗ trợ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo như hệ thống camera giám sát giao thông và hệ thống xử lý phản ánh tương tác hiện trường tại IOC thành phố Vinh. Hiện nay đang triển khai xây dựng Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Nghệ An, phiên bản 1.0.

- Về chi ngân sách cho chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước: Năm 2022 đã bố trí 87,010 tỷ đồng cho chuyển đổi số. Trong đó, 3,8 tỷ đồng cho an toàn thông tin; 42,560 tỷ đồng cho chính quyền số; 13,800 tỷ đồng cho kinh tế số và 26,850 tỷ đồng cho xã hội số. Tính đến ngày 30/6/2023, Sở Thông tin và Truyền thông đã đề xuất kinh phí triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số là 37,2 tỷ đồng, trong đó đã được bố trí 28.8 tỷ đồng.

5. Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, ước tính tỷ trọng KTS/GRDP tỉnh Nghệ An năm 2022: 7,38%, đứng thứ 32/63 tỉnh/thành phố.

- Đóng góp cho kinh tế số hiện nay tại Nghệ An chủ yếu là kinh tế số ICT (khoảng 50-58%), trong đó hoạt động sản xuất, buôn bán phần cứng, thiết bị điện tử, quang học chiếm tỷ lệ lớn nhất (hệ thống các cửa hàng, siêu thị điện tử,…); tiếp theo là bưu chính, viễn thông (VNPost, VietelPost, Giaohangnhanh, Giaohangtietkiem, VNPT, Viettel, MobiFone, FPT, TH cáp,…). Các hoạt động kinh tế số ngành lĩnh vực khác cũng đóng góp cho kinh tế số (khoảng 20-24%) như: Khoa học công nghệ, y tế, giáo dục, du lịch, công thương, hoạt động khối Đảng và QLNN (ứng dụng các nền tảng số do doanh nghiệp phát triển), buôn bán lẻ,…[1]

- Thương mại điện tử phát triển nhanh, từng bước mở rộng quy mô đến địa bàn cấp huyện, cấp xã; các sản phẩm đặc trưng OCOP của địa phương được quảng bá rộng rãi trên các nền tảng mạng xã hội, sàn thương mại điện tử. Thanh toán số phát triển nhanh tại tỉnh Nghệ An theo xu thế chung, hiện diện ở mọi lĩnh vực, địa phương.

- Về triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong ngành giáo dục: Số CSGD (theo bậc học) triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt: 1.453 trường[2]. Số trường đã thực hiện thu học phí

---

[1] Phương pháp đánh giá đang được ngành thống kê phối hợp với các ngành, lĩnh vực có liên quan xây dựng.

[2] Số trường công lập thực hiện thu học phí theo quy định: 943 trường. Số trường không thu học phí (các trường tiểu học, các trường có học sinh thuộc đối tượng miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP): 510 trường.

không dùng tiền mặt: 872/962 trường, đạt tỷ lệ 92,47%. Tổng số học sinh năm học 2022-2023: 832.020 học sinh. Số học sinh hoặc phụ huynh học sinh đã có tài khoản tại các ngân hàng: 420.885/432.055 (đạt tỷ lệ 97,41%). Số học sinh (hoặc phụ huynh học sinh) đã thanh toán học phí bằng phương thức không dùng tiền mặt: 116.377/432.055 học sinh (đạt tỷ lệ 26,94%).

- Về hỗ trợ địa phương chuyển đổi số: Hoàn thành thí điểm mô hình chuyển đổi số cho 03 xã; hiện nay đang triển khai mở rộng mô hình ra toàn tỉnh trong năm 2023, dự kiến mỗi huyện, thành, thị lựa chọn 01 xã để triển khai và năm 2024 triển khai ít nhất 01 huyện chuyển đổi số.

- Về phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số:

+ Khu vực chính quyền: Cơ bản đã phát triển các nền tảng số phục vụ điều hành liên thông 4 cấp[1]. Triển khai các nền tảng do các Bộ, ngành Trung ương xây dựng *(Việc xây dựng, thuê, mua các nền tảng này cũng góp phần vào phát triển kinh tế số).*

+ Khu vực doanh nghiệp: Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng nền tảng số/ứng dụng CNTT như Email, Zalo, Facebook, Trang thông tin điện tử,… để trao đổi, quảng bá thông tin. Theo chuyên trang **smedx.vn** (chuyển đổi số doanh nghiệp), có khoảng 14 nền tảng số về quản trị doanh nghiệp, an toàn, an ninh mạng, nền tảng số các ngành, lĩnh vực,… Tuy nhiên, chỉ có một số nền tảng phổ biến được các doanh nghiệp khai thác như: Office, Misa, BKav, Vexere,… Đối với các chi nhánh tại tỉnh Nghệ An, chủ yếu khai thác các nền tảng số do các công ty mẹ phát triển: Giao thông (Grab, Maxim...); thương mại điện tử (Postmart, Voso, Shopee, Tiki, Lazada…).

- Về phát triển Doanh nghiệp số: Thực tế, các doanh nghiệp số tại Nghệ An đang rất hạn chế. Hiện chỉ có một số doanh nghiệp lớn, truyền thống (doanh nghiệp viễn thông, CNTT) và chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị. Tỉnh Nghệ An hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ (trên 90%), việc ứng dụng các nền tảng số vào quản lý, sản xuất kinh doanh cũng đang hạn chế, nhất là khu vực nông thôn, tập trung chỉ ở hoạt động quảng bá sản phẩm trên Website, mạng xã hội, một số thanh toán không dùng tiền mặt.

- Về thanh toán số: Các nền tảng thanh toán số ở Nghệ An khá phong phú (App ngân hàng, ví điện tử, Mobile Money), triển khai dịch vụ đến hầu hết các ngành, lĩnh vực; các huyện, thành, thị. Các cửa hàng bán lẻ, hộ kinh doanh cơ bản đã có tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt. Hiện nay, tỉnh đang triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; thúc đẩy các trường học, cơ sở y tế tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt.

---

[1] (1) Quản lý văn bản điều hành; (2) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; (3) Giao ban điện tử; (4) Cổng TTĐT; (5) Thư điện tử công vụ; (6) Chữ ký số; (7) Hệ thống phòng chống mã độc tập trung; (8) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh LGSP; (9) Nền tàng phân tích, thẩm định, chia sẻ dữ liệu tỉnh Nghệ An; (10) Phần mềm đánh giá chỉ số chuyển đổi số tỉnh Nghệ An, (11) Phần mềm đánh giá chỉ số CCHC tỉnh; (12) PM quản lý cán bộ CCVC tỉnh,…

- Về thương mại điện tử (TMĐT): Trong năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương hỗ trợ 21 huyện, thành, thị mở các gian hàng cấp huyện trên sàn giao dịch TMĐT Nghệ An với hơn 300 sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu, sản phẩm OCOP,… được đăng tải. Đến ngày 30/8/2023, Sàn giao dịch TMĐT Nghệ An đã hỗ trợ được hơn 470 doanh nghiệp và thương nhân đăng ký thành viên tham gia và thiết lập gian hàng; thu hút trên 9,2 triệu lượt truy cập; giới thiệu và chào bán 3.723 các sản phẩm và dịch vụ. Số doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ sản xuất nông nghiệp Nghệ An… được đưa lên các sàn TMĐT là 266.373 hộ, tổng số sản phẩm được đưa lên sàn là 8.836 sản phẩm, xếp thứ 5 cả nước về số sản phẩm nông nghiệp được đưa lên sàn[1]. Song song với việc đưa các sản phẩm tiêu biểu lên sàn, Sở Công Thương cũng đã hỗ trợ tổ chức, đơn vị xây dựng hơn 18 Website thương mại điện tử. Hỗ trợ 06 đơn vị phát triển thương hiệu trực tuyến bằng hình thức xây dựng các Clip phát trên các nền tảng số thông qua xây dựng các TVC quảng cáo, phim ngắn giới thiệu doanh nghiệp. Chỉ số xếp hạng TMĐT Nghệ An nhiều năm liền nằm trong top khá cả nước, mới nhất tại Diễn đàn Toàn cảnh TMĐT Việt Nam 2023 tổ chức tại TP.HCM: Nghệ An đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ xếp thứ 14 cả nước (tăng 1 bậc so với năm 2022).

- Về công dân số: Công tác cấp Căn cước công dân tính đến ngày 16/8/2023, toàn tỉnh đã cấp được 2.814.752 trường hợp (cấp mới: 2.662.185 trường hợp; cấp đổi, cấp lại: 152.567 trường hợp). Triển khai thu nhận hồ sơ định danh điện tử: Tính đến ngày 16/8/2023, toàn tỉnh đã thu nhận được 2.311.256 hồ sơ; trong đó đã kích hoạt được 1.710.789/1.708.473 hồ sơ (đạt 100,13% chỉ tiêu Bộ Công an giao).

6. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Về công tác chỉ đạo triển khai: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 774/KH-UBND ngày 08/11/2022 về việc triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã ban hành 03 Kế hoạch và nhiều văn bản triển khai thực hiện, chỉ đạo các mặt công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng như: Kế hoạch số 677/KH-UBND ngày 29/12/2022 về thực hiện Đề án "Đào tạo nguồn nhân lực an ninh mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng Thế trận An ninh nhân dân trên không gian mạng" trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 15/02/2023 về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2023; Công văn số 48/UBND-TH ngày 04/01/2023 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát,...

---

[1] Hơn 95% sản phẩm OCOP của tỉnh Nghệ An đã lên các sàn TMĐT (Trong đó: sàn TMĐT Nghệ An: 118 sản phẩm; Sàn Vỏ Sò (Viettel): 45 sản phẩm; Sàn Postmark (Bưu điện Việt Nam): 35 sản phẩm.

- Tổ chức thực hiện xác định cấp độ an toàn các hệ thống thông tin (HTTT) của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thực hiện công tác chia sẻ thông tin và giám sát quốc gia, tỉnh Nghệ An đã cung cấp 42 địa chỉ IP, 148 tên miền (Domain) của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện giám sát, cảnh báo kịp thời đến Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị để khắc phục.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin cho Cổng thông tin điện tử tỉnh cũng được quan tâm, chú trọng thông qua việc phối hợp với Cục Tin học nghiệp vụ (H49), Bộ Công An và Trung tâm ứng cứu khẩn cấp sự cố máy tính Việt Nam VNCERT (nay là VNCERT/CC) trong công tác đảm bảo an toàn thông tin cho Cổng thông tin điện tử tỉnh.

- UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh. Đồng thời đôn đốc các đơn vị thực hiện đánh giá, đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành trong tỉnh. Hàng năm đều tổ chức ít nhất 02 đợt diễn tập ứng cứu sự cố máy tính cho các cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách CNTT trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh. Năm 2023 đã tổ chức 04 khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thông tin, gồm: Tập huấn công tác an toàn thông tin mạng cho cán bộ công chức, viên chức các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội, UBND cấp huyện, cấp xã, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (03 lớp, 02 ngày/lớp, 546 học viên). Khóa bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng về an toàn thông tin theo chuẩn CEH v12 cho cán bộ thuộc đội ứng cứu sự cố máy tính tỉnh Nghệ An và cán bộ chuyên trách, cán bộ phụ trách CNTT các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội và UBND cấp huyện (03 lớp, 05 ngày/lớp, 60 học viên). 02 khóa đào tạo trực tuyến và trực tiếp kiến thức chuyển đổi số (bao gồm kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin mạng) cho 3.700 lượt cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước 3 cấp (tỉnh, huyện, xã).

- Duy trì vận hành phần mềm Hệ thống phòng, chống mã độc tập trung của tỉnh đến hơn 3.400 máy tính của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Triển khai thuê dịch vụ Trung tâm giám sát an toàn thông tin và an ninh mạng (SOC) tỉnh Nghệ An.

- Triển khai quyết liệt, hiệu quả Chiến dịch bóc gỡ mã độc trên không gian mạng. Số liệu kết quả triển khai chiến dịch bóc gỡ mã độc trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023 cụ thể như sau: Tổng số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận được thông tin về chiến dịch: 4.637; Tổng số cơ quan, tổ chức triển khai chiến dịch: 3.413.

7. Kết quả triển khai các lĩnh vực ưu tiên

a) Về xây dựng cơ sở dữ liệu số nghành Giáo dục và đào tạo, triển khai nền tảng phục vụ dạy và học trực tuyến:

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Tập đoàn VNPT xây dựng và triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến cho giáo viên và học sinh với địa chỉ https://sgdnghean.lms.vnedu.vn với số lượng 10.088 câu hỏi/bài tập trắc nghiệm.

- Tăng cường sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử có sử dụng ký số cho cán bộ, giáo viên (việc sử dụng ký số đã được sự đồng ý và cho phép của Cục CNTT, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Công văn số 3764/BGD&ĐT-CNTT ngày 10/8/2022 về việc triển khai thí điểm chữ ký số). Thúc đẩy việc tạo ra một môi trường học tập số phong phú và đa dạng, bằng cách cung cấp tài liệu học tập trực tuyến, video giảng dạy, khóa học trực tuyến và các tài nguyên số khác để hỗ trợ học sinh và giáo viên. Cụ thể hưởng ứng Cuộc thi Xây dựng thiết bị dạy học số lần thứ I, năm 2022, toàn ngành có 1.224 sản phẩm tham gia: Có 518 sản phẩm vào vòng 2 và được sử dụng rộng rãi trong cả nước; 51 sản phẩm tham dự vòng 3 và đạt 01 giải nhất, 04 giải ba, 03 giải khuyến khích và 01 giải triển vọng; tỉnh Nghệ An đứng thứ 3 cả nước về kết quả của Cuộc thi.

- Phối hợp với Tập đoàn VNPT xây dựng và triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp, cụ thể tuyển sinh vào lớp 10, các công đoạn từ đăng ký, đổi nguyện vọng, sắp xếp phòng thi, điểm thi, xét tuyển bằng điểm thi, xét tuyển theo kết quả rèn luyện và học tập của học sinh hoàn toàn bằng trực tuyến với địa chỉ https://sgdnghean.vnedu.vn/v3/

- Thí điểm giải pháp chống gian lận thi cử trên địa bàn thành phố Vinh: Hoàn thành kết quả triển khai thí điểm giải pháp chống gian lận thi cử trên địa bàn thành phố Vinh để đánh giá mở rộng về sử dụng thiết bị xác minh di động xác thực người tham gia thi đảm bảo đúng người, tránh trường hợp thi hộ, gian lận phòng thi.

- Hệ thống quản lý các Trung tâm: Hệ thống đã hỗ trợ quản lý 198 Trung tâm Ngoại Ngữ, 116 Trung tâm Kỹ năng sống, 111 Trung tâm du học với các báo cáo: Thống kê số lượng trung tâm, thống kê nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, chương trình đào tạo,...

- Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp[1]: Số cơ sở giáo dục (theo bậc học) duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS): 518 (trong đó trường TH 486, TH&THCS 32), THCS:

[1] - Số cơ sở giáo dục (theo bậc học) triển khai phần mềm quản trị trường học: MN: 543/543, tỉ lệ: 100%; TH: 518/518 (trong đó trường TH 486, TH&THCS 32), tỉ lệ: 100%; THCS: 401/401, tỉ lệ: 100%; THPT: 90, tỉ lệ: 100%; TTGDTX-GDNN: 21/21, tỉ lệ: 100%.
- Số cơ sở giáo dục (theo bậc học) triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử: TH: 515 (trong đó trường TH 483, TH&THCS 32), tỉ lệ: 99,42 %; THCS: 401/401, tỉ lệ: 100%6; THPT: 90/90, tỉ lệ: 100%; TTGDTX-GDNN: 21/21, tỉ lệ: 100%.

401, THPT: 90, TTGDTX-GDNN: 21. Tỷ lệ CSGD (theo bậc học) thường xuyên triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính: TH: 100%, THCS: 100%, THPT: 100%, TTGDTXGDNN: 100%. Tổng số học liệu (được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo bậc học) hiện có: TH: 902, THCS: 973, THPT: 280 học liệu; riêng năm học 2022-2023 xây dựng được: TH: 606, THCS: 488, THPT: 130 học liệu.

b) Về chuyển đổi số ngành y tế:

- Triển khai công tác khám chữa bệnh và thanh toán BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn; công tác thanh toán điện tử không dùng tiền mặt; đăng ký khám bệnh trực tuyến, tiếp đón người bệnh băng thẻ CCCD gắn chíp hoặc qua ứng dụng VNeID, VssID:

+ 100% các cơ sở khám chữa bệnh từ tỉnh, huyện, xã đã triển khai phần mềm quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT. Kết nối, liên thông dữ liệu với Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định BHYT của BHXH Việt Nam (Cổng GĐBHYT). Đến thời điểm hiện tại tất cả hồ sơ khám chữa bệnh được đẩy tự động lên Cổng dữ liệu Bộ Y tế và Cổng giám định BHYT theo đúng quy định. Theo báo cáo kết quả giám định trực tuyến hồ sơ gửi đúng ngày trung bình đạt >98%. Tại các đơn vị khám chữa bệnh đã thực hiện sử dụng căn cước công dân gắn chíp để khám chữa bệnh, áp dụng CNTT vào đăng ký khám bệnh trực tuyến; triển khai việc cấp phát và sử dụng thẻ khám bệnh thông minh giúp người dân đăng ký lấy số khám bệnh từ xa, giảm ùn tắc cho bệnh nhân, triển khai số hóa hồ sơ bệnh án, tiến tới bệnh án điện tử, tích hợp giải pháp thanh toán không sử dụng tiền mặt vào thẻ khám bệnh thông minh.

+ Có 527/527 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện đã trang bị máy quét mã vạch QR code để sẵn sàng khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD thay thế thẻ BHYT (đạt 100%) cở sở y tế trong tuyến huyện, tỉnh trên địa bàn.

+ Số lượng sử dụng số ĐDCN/CCCD được đồng bộ với thẻ BHYT còn hiệu lực là: 2.719.307; Số lượng tra cứu bằng ĐDCN/CCCD là: 1.904.040; Số lượng TT thành công là: 1.510.551.

- Triển khai Phần mềm quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử, phần mềm dùng chung tại Trạm Y tế xã, phường, thi trấn: Đã tổ chức đào tạo tập huấn bàn giao tài khoản sử dụng cho cán bộ của 460 Trạm Y tế xã và 21 Trung tâm Y tế thực hiện thao tác thành thạo trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử. Dữ liệu người dân khởi tạo lên phần mềm Hồ sơ sức khỏe: 3.491.881/3.547.000 (theo số liệu dân số năm 2023) đạt 98%, dữ liệu được khởi tạo từ BHYT 2020 và dữ liệu được các Trạm Y tế cập nhật. Có 38/38 bệnh viện, 12/12 trung tâm y tế, 460/460 trạm y tế đã liên thông và đẩy dữ liệu tự động. Tính đến ngày 12/7/2023, đã có 2.859.502 người dân có dữ liệu về lịch sử khám chữa bệnh, thông tin về tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng Covid, đạt 81% tổng toàn dân. Tổng số 17.000.000 bản ghi khám chữa

bệnh đã được liên thông từ các cơ sở khám chữa bệnh. Tỉ lệ người dân được quản lý sức khỏe (có dữ liệu sức khỏe) toàn tỉnh đạt 81%. Tỉ lệ người dân cài app Sổ sức khỏe điện tử đạt 17.7%. Hồ sơ đã khởi tạo trên Hệ thống: 3.495.527 đạt trên trên 97%. Hồ sơ đã có dữ liệu KCB: 2.859.527 (81,81%). Phần mềm dùng chung tại Trạm Y tế đến nay đã triển khai 21/21 huyện, thành, thị, 460 trạm y tế cấp xã trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên và môi trường: Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Nghệ An đã được xây dựng tại 12/21 huyện, thành phố, thị xã; quản trị vận hành phục vụ công tác chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh theo dự án VILG, phục vụ quản lý, khai thác thông tin đất đai và xử lý dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực đất đai, hệ thống đã kết nối liên thông với hệ thống của Thuế, liên thông với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An. Đã triển khai hệ thống giám sát quan trắc tự động các trạm quan trắc tự động của nhà nước và của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, hệ thống được quản lý, vận hành, lưu trữ tại Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường Nghệ An. Hiện nay lĩnh vực đo đạc, bản đồ cũng đã có bộ cơ sở dữ liệu điểm lưới tọa độ các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; đang duy trì và vận hành tốt tại Trung tâm Công nghệ thông tin. Ngoài ra, ngành tài nguyên và môi trường cũng đã có phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, dữ liệu được cập nhật thường xuyên; thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu kho tư liệu ngành tài nguyên và môi trường điện tử, các hồ sơ sau khi xử lý đã được chỉnh lý, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng. Hiện nay, trên hệ thống phần mềm kho tư liệu điện tử ngành tài nguyên môi trường (http://khotulieutnmt.nghean.gov.vn/) đã xây dựng và đưa vào vận hành phục vụ nhu cầu khai thác hồ sơ, tài liệu với khối lượng hồ sơ như sau: Tổng số hồ sơ, tư liệu: 7.226 hồ sơ (trong đó, hồ sơ lĩnh vực đất đai: 1.393; hồ sơ thanh tra, kiểm tra: 1.079; hồ sơ tài nguyên nước: 332; hồ sơ môi trường: 1.327; hồ sơ khoáng sản: 1124; hồ sơ giá: 1.971; Tổng số tài liệu đính kèm: 47109).

d) Triển khai ứng dụng nền tảng du lịch thông minh: Cổng thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Nghệ An trên thiết bị di động đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/01/2022 và phát huy hiệu quả về tuyên truyền quảng bá hình ảnh Nghệ An cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc giới thiệu các dịch vụ, sản phẩm du lịch đến với du khách trong và ngoài nước. Việc sử dụng dịch vụ này đã giúp cơ quan quản lý nhà nước tăng cường khả năng quản lý và giám sát, nâng cao trải nghiệm của khách hàng, tăng cường chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí và tăng cường sự chuyên nghiệp và minh bạch trong hoạt động của ngành du lịch. Đến nay, đã thu thập, tạo lập, chuyển đổi thông tin điện tử và số hóa thông tin các dữ liệu về du lịch đối với 244 điểm du lịch/lễ hội. Ngoài ra, cập nhật thông tin về 350 cơ sở lưu trú du lịch (resort, khách sạn, nhà nghỉ,…),

400 địa điểm mua sắm, ẩm thực, giải trí, vui chơi, 1.705 các tiện ích hỗ trợ du khách như địa điểm ATM, điểm dừng xe buýt, trạm y tế,… cùng các thông tin hỗ trợ liên quan khác với 3.145 ảnh thường, 904 ảnh 360 độ, 280 bài viết (song ngữ Tiếng Việt và tiếng Anh); bên cạnh đó đã đăng tải danh sách 72 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành lên hệ thống. Tính đến ngày 30/08/2023, Cổng thông tin du lịch tỉnh Nghệ An đã có hơn 3,3 triệu lượt truy cập, trung bình hơn 5.000 lượt/1 ngày; ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động hơn 1.000 lượt tải.

e) Triển khai ứng dụng nền tảng số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao: Đã triển khai mô hình VR360 cho Khu Di tích Kim Liên; triển khai Chuyển đổi số và hiện đại hóa trong trưng bày và hoạt động của Bảo tàng Nghệ An, số hóa 3D dữ liệu hiện vật Bảo tàng Nghệ An; xây dựng bản đồ di tích tỉnh Nghệ An, đánh dấu tọa độ 21 di tích trọng điểm và số hóa dữ liệu; xây dựng phần mềm tham quan trực tuyến, số hóa tư liệu Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh; xây dựng thư viện điện tử, thư viện số; tăng cường số hóa tài liệu Hán nôm, địa chỉ của Thư viện.

g) Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đã xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch và bản đồ hiện trạng, cơ sở dữ liệu của một số cây trồng chính như bản đồ quy hoạch nông nghiệp, bản đồ nông hóa thổ nhưỡng đối với cây lúa (đã cập nhật lên trang Datluanghean.com). Đã xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Chăn nuôi; Sử dụng hệ thống thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu bản đồ vùng nuôi trồng (lên hệ thống WebGIS); Hệ thống (Máy VX-1700) thông tin tầm xa phục vụ công tác quản lý tàu cá trên biển; Thiết bị giám sát hành trình VMS. Lắp đặt hệ thống Camera giám sát tàu cá tại các Cảng. Cập nhật dữ liệu tàu cá và cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VN Fishpase). Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, cơ sở dữ liệu số, sử dụng hệ thống theo dõi diễn biến rừng, áp dụng công nghệ GIS, ảnh viễn thám trong theo dõi giám sát quản lý tài nguyên; thực hiện phòng cháy chữa cháy rừng bằng ứng dụng ảnh vệ tinh; ứng dụng công nghệ thông tin (thiết bị điện tử, điện thoại, máy tính bảng) và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng. Đồng thời, trong theo dõi cập nhật diễn biến tài nguyên rừng tỉnh Nghệ An sử dụng máy tính bản tích hợp với phần mềm chuyên dụng và dung ảnh viễn thám để lập bản đồ hiện trạng, tính toán biến động thông qua các phần mềm GIS như ArcGIS, MapInfo, Ecognition, ENVI,... Giám sát đa dạng sinh học bằng những phần mềm Smart tại Vườn quốc gia Pù mát và áp dụng các công cụ giám sát chuyên ngành như máy ảnh giám sát động vật tại Vườn quốc gia Pù mát và 02 Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, Pù Hoạt. Sử dụng Hệ thống bản đồ quản lý, cảnh báo ngập lụt; Hệ thống quản lý vận hành xả lũ Hồ Vực Mấu (Cục Thuỷ lợi). Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng chuyển đổi số gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Một số kết quả cụ thể như sau: Mô hình

quản lý tự động các yếu tố môi trường ao nuôi tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn; mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng áp dụng công nghệ số hoá theo tiêu chuẩn VietGAP. Hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logictic gắn với thương mại điện tử và chuỗi 3 sản xuất các sản phẩm chủ lực, VietGAP, OCOP; Tổ chức xây dựng và hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc theo mã QR cho các cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản để tăng cường công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc, giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông lâm thủy sản; xây dựng trang Website quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

h) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số quản lý ngành Giao thông vận tải: 100% cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe trên địa bàn tỉnh được trang bị và sử dụng phần mềm đào tạo lái xe (theo dõi học lý thuyết, thực hành, chạy đường trường DAT,…); phần mềm quản lý giấy phép lái xe, phần mềm thi sát hạch lý thuyết, mô phỏng, thực hành lái xe.... Ngoài ra, ngành giao thông vận tải hiện đã đưa vào khai thác, sử dụng các phần mềm: Phần mềm hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của Cục đường bộ Việt Nam, Phần mềm hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ của Bộ Giao thông vận tải. Các bến xe khách trên địa bàn tỉnh cũng đã trang bị và sử dụng phần mềm quản lý bến xe để truyền dữ liệu hoạt động tại bến xe về cơ quan quản lý nhà nước theo yêu cầu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

i) Chuyển đổi số trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối và bán điện:

- Thực hiện mục tiêu chuyển đổi số để cải tiến phương thức điều hành quản trị doanh nghiệp, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng, Công ty Điện lực Nghệ An đã tập trung vào các lĩnh vực chính như: Quản trị doanh nghiệp, quản lý kỹ thuật - an toàn - tự động hóa, kinh doanh - dịch vụ khách hàng, quản lý đầu tư xây dựng và viễn thông - công nghệ thông tin. Công ty đã và đang xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, chuẩn hóa thông tin khách hàng, các trạm biến áp 110kV giám sát và điều khiển từ xa không người trực. Qua đó, giúp nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, tăng năng suất lao động và sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ.

- Đến nay, Công ty Điện lực Nghệ An đã thực hiện số hóa dữ liệu toàn bộ hồ sơ sổ sách, lý lịch thiết bị, công trình xây dựng, hồ sơ khách hàng, dữ liệu thanh toán, quản trị nhân sự, công tác kế hoạch,… thông qua sử dụng các phần mềm dùng chung (CMIS, IMIS, ERP, PMIS, GIS, Quản lý MBA, HRMS,…); số hóa toàn bộ các quy trình nghiệp vụ theo các mảng công việc: Kỹ thuật – An toàn; Kinh doanh – Dịch vụ khách hàng; Tài chính kế toán; kế hoạch, quản trị văn phòng, tổ chức nhân sự, đầu tư xây dựng, quản lý đầu thầu, thanh kiểm tra,… nâng cao chỉ số tiếp cận điện năng, cải tiến chu trình cấp điện. Một trong những công tác nổi bật là việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông minh trong sửa chữa, lắp đặt điện nóng (hotline), nhằm giảm thời gian ngừng, mất điện,... góp

phần gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng đối với các dịch vụ hiện có của ngành điện. Bên cạnh đó, Công ty Điện lực Nghệ An đang thực hiện áp dụng hoá đơn điện tử 100% khách hàng, 100% dịch vụ điện cấp độ 4; hợp đồng mua bán điện điện tử; thanh toán điện tử, phát triển các kênh chăm sóc khách hàng online như: Tổng đài chăm sóc khách hàng, App chăm sóc khách hàng trên điện thoại di động, Webiste nhắn tin chăm sóc khách hàng qua SMS, Zalo,… cung cấp tất cả các dịch vụ điện năng ở mức độ 4 cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Đến nay, toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ điện đến khách hàng cơ bản đã được thực hiện theo phương thức điện tử.

II. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông, chỉ số chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2022 chỉ đạt 52/63 các tỉnh, thành phố, tăng 03 bậc so với năm 2021, chưa đạt mục tiêu theo Nghị quyết số 09-NQ/TU đề ra. Trong đó, chính quyền số và kinh tế số đứng thứ 52/63 các tỉnh, thành phố; xã hội số đừng thứ 49/63 các tỉnh, thành phố.

a) Về nhận thức số:

- Nhận thức về chuyển đổi số ở một số cơ quan, địa phương chưa thực sự rõ ràng; chưa định hình được các nội dung triển khai chuyển đổi số trong đơn vị, địa phương, lĩnh vực; người đứng đầu tại một số đơn vị chưa thực sự quan tâm đến chuyển đổi số.

- Đến nay, vẫn còn 04/21 sở, ban, ngành và 02/21 UBND cấp huyện chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2023; 07/21 sở, ban, ngành và 01/21 UBND cấp huyện chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn.

b) Về thể chế số:

- Các văn bản pháp lý về chuyển đổi số chưa hoàn thiện, trong đó có khung pháp lý về báo cáo các chỉ tiêu thống kê về chuyển đổi số, việc đánh giá mức độ chuyển đối số rất khó khăn, nhất là kinh tế số và xã hội số.

- Hiện nay, tỉnh chưa có cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực CNTT và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Đồng thời cũng chưa có cơ chế, chính sách thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực CNTT chất lượng cao làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Việc thẩm định các nhiệm vụ, dự án CNTT/chuyển đổi số tại địa phương gặp nhiều khó khăn do chưa đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật, an toàn thông tin; việc phân định cơ quan thẩm định chưa rõ ràng trong quy định của Trung ương, dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất trong thực thi tại địa phương.

c) Về hạ tầng số:

- Phát triển hạ tầng số tại vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, do thiếu điện lưới, địa hình phức tạp *(chi tiết tại phụ lục kèm theo)*.

- Ở khu vực đô thị, một số bộ phận người dân e ngại về ảnh hưởng của sóng điện từ của trạm BTS nên cản trở, khiếu nại, khiếu kiện, ảnh hưởng đến duy trì và phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ ứng dụng CNTT/chuyển đổi số tại một số sở, ngành, cấp huyện, cấp xã xuống cấp, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến việc triển khai các nền tảng số phục vụ quản lý và điều hành. Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hiện đang hoạt động không ổn định, chưa đáp ứng đầy đủ chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định hiện hành.

d) Về hoạt động chính quyền số:

- Việc khai thác các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ quản lý và điều hành ở một số địa phương chưa triệt để.

- Cơ sở dữ liệu của các ngành còn rời rạc dẫn đến khó khăn trong kết nối, liên thông và chia sẻ. Cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chất lượng chưa cao, cần cập nhật, làm sạch để thực hiện kết nối và chia sẻ. Hiện nay, ngoài các ngành: Công an, Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông đã chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu, các ngành còn lại chưa hình thành kho dữ liệu.

- Tình hình ngân sách địa phương còn gặp nhiều khó khăn, do đó kinh phí dành cho chuyển đổi số chưa tương xứng với các nhiệm vụ đặt ra. Hiện nay, ngân sách trong năm 2022 và năm 2023 mới bố trí được 115.818/570.760 tỷ đồng (chiếm 20,03%) tổng mức kinh phí dự kiến đầu tư theo kế hoạch số 586/KH-UBND.

- Các nhiệm vụ về xây dựng đô thị thông minh, trung tâm điều hành thông minh (IOC) đang triển khai chưa hiệu quả.

e) Về nhân lực số:

- Hiện nay, toàn tỉnh chỉ có 67/74.000 (đạt 0,09%) cán bộ chuyên trách CNTT. Hiện còn 07/21 sở, ban, ngành và 08/21 UBND cấp huyện chưa bố trí được cán bộ chuyên trách CNTT, chưa đáp ứng yêu cầu theo Nghị quyết số 09-NQ/TU đề ra. Đồng thời chưa bố trí được cán bộ chuyên trách/phụ trách công tác chuyển đổi số tại cấp xã, phường, thị trấn. Việc chưa bố trí đủ nhân lực tham mưu công tác chuyển đổi số gây khó khăn trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Đội ngũ nhân lực về CNTT/chuyển đổi số ở cấp huyện, cấp xã và trong các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa vả nhỏ còn thiếu và yếu; do đó việc triển khai các nội dung về chuyển đổi số đang gặp nhiều khó khăn. Còn thiếu nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng, nhất là cho ngành CNTT.

g) Về đảm bảo an toàn thông tin mạng:

- Kỹ năng cơ bản và nâng cao về đảm bảo an toàn thông tin của đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ công chức, doanh nghiệp và người dân còn yếu và thiếu. Chưa có chuyên gia giỏi, được đào tạo chuyên ngành an toàn thông

tin làm việc trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh, hầu hết đều là cán bộ chuyên ngành tổng hợp về CNTT, không thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về an toàn thông tin mạng.

- Cơ sở hạ tầng mạng thông tin nói chung, đảm bảo an toàn thông tin nói riêng của hầu hết các cơ quan, đơn vị còn yếu và chưa đồng bộ, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa.

- Số doanh nghiệp CNTT phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh chưa nhiều, chưa có doanh nghiệp chuyên sâu về lĩnh vực an toàn thông tin, đa số đều cần sự hỗ trợ của các đơn vị cấp trên ở các tỉnh/thành lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

- Các đơn vị chưa thực hiện đầu tư đảm bảo an toàn thông tin khi đưa các hệ thống vào vận hành chính thức. Chậm đề ra lộ trình, giải pháp cụ thể về đảm bảo an toàn thông tin. Vấn đề an toàn thông tin trên không gian mạng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Về công tác kiểm tra, giám sát: Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức triển khai, tuy nhiên thực tế hiện nay, tình trạng lừa đảo trên không gian mạng, các nguồn tin xấu, độc ảnh hưởng đến uy tín các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh vẫn tiếp diễn, chưa được xử lý triệt để.

h) Về Kinh tế số, xã hội số:

- Tỷ trọng KTS/GRDP tỉnh Nghệ An còn thấp, chỉ chiếm 7,38%, đứng thứ 32/63 các tỉnh, thành phố.

- Các doanh nghiệp số tại Nghệ An đang rất hạn chế, chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị. Việc ứng dụng các nền tảng số vào quản lý, sản xuất kinh doanh cũng đang hạn chế, nhất là khu vực nông thôn, tập trung chỉ ở hoạt động quảng bá sản phẩm trên Website, mạng xã hội, một số thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Nguyên nhân:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số; cần quá trình thay đổi, sự đồng hành của chính quyền, doanh nghiệp và người dân. Do đó, trong thời gian ngắn chưa thể có biến chuyển rõ rệt trong từng ngành, địa phương, cần nhiều sự bình tĩnh, kiên định và tìm cách làm phù hợp để phát triển.

- Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư cho chuyển đổi số, cơ chế chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác chuyển đổi số, công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng hiện còn thiếu và chưa cụ thể, dẫn đến quá trình triển khai còn lúng túng, thiếu cơ sở pháp lý.

- Nhân lực chuyển đổi số còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng chuyên môn, trong khi việc bố trí biên chế công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước của tỉnh rất khó khăn. Nhận thức, trình độ, kỹ năng và thói quen

của một số doanh nghiệp cũng như người dân trong ứng dụng CNTT, công nghệ số, đảm bảo an toàn thông tin phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và khai thác, sử dụng các dịch vụ trên môi trường mạng chưa đảm bảo yêu cầu.

- Tỉnh Nghệ An là địa phương có địa hình rộng, dân số đông, trình độ dân trí còn chưa đồng đều, điều kiện kinh tế-xã hội còn nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn rất hạn chế. Do đó, việc tăng các chỉ số chuyển đổi số sử dụng tỷ lệ dân số/số cán bộ công chức, viên chức, người lao động/diện tích/đơn vị hành chính và các chỉ số về kinh tế số, xã hội số gặp rất nhiều khó khăn.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức, quyết tâm chính trị về chuyển đổi số của các cấp ủy đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn. Nhiều cơ quan, đơn vị chưa mạnh dạn thay đổi phương pháp, cách làm việc truyền thống và lựa chọn hướng đi phù hợp. Mặt khác một số đơn vị triển khai đồng thời nhiều giải pháp, phần mềm ứng dụng nhưng chưa sát tình hình thực tế, dẫn đến lãng phí trong đầu tư, hiệu quả không cao.

- Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số chưa đáp ứng được nhu cầu; một số chương trình, dự án trọng điểm về hiện đại hóa hành chính, chuyển đổi số còn chậm triển khai.

- Phát triển kinh tế số, xã hội số là nhiệm vụ quan trọng của chuyển đổi số, tuy nhiên việc triển khai trên địa bàn tỉnh còn rất lúng túng, khó khăn do cơ chế, chính sách, hướng dẫn chưa cụ thể, nền tảng để tổ chức thực hiện và hệ thống đo lường, đánh giá khu vực kinh tế số, xã hội số chưa thực sự rõ ràng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, đảm bảo năm 2023 tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến trên 80%.

- Bố trí công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng để phục vụ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo triển khai phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở của địa phương.

- Tổ chức rà soát, có kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật trong các cơ quan nhà nước 3 cấp đảm bảo vận hành tốt các hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin.

- Tập trung số hóa, xây dựng CSDL, Kho dữ liệu các ngành: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Lao động-Thương binh và Xã hội; Tư pháp; Văn hóa; Nội vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Giao thông vận tải.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Bám sát, quyết liệt tổ chức tốt Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 15/6/2023 về việc bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023.

- Trên cơ sở Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam được ban hành, nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nghệ An đảm bảo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội Vụ, Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh kịp thời ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

- Phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh chính sách đầu tư hỗ trợ người dân vùng khó khăn và dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ số, các thiết bị đầu cuối thông minh thông qua các chương trình mục tiêu Quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện mục tiêu đến cuối năm 2023, tỷ lệ dân số trên 15 tuổi có điện thoại thông minh đạt 85%; tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 95%; tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 75%.

- Triển khai nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, kết nối nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo đúng quy định.

- Nghiên cứu, triển khai các nền tảng như: Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; Triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân trong độ tuổi trưởng thành đăng ký sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân để thuận tiện trong việc thực hiện các giao dịch điện tử.

- Tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý các sự cố trong các cơ quan nhà nước; thực hiện xử lý, loại bỏ mã độc đối với các IP botnet được phát hiện.

- Xây dựng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng cho các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước; tổ chức các cuộc diễn tập xử lý các sự cố tấn công mạng.

- Tăng cường công tác phối hợp, học tập kinh nghiệm triển khai các nội dung về chuyển đổi số, nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) cấp tỉnh tại các Bộ, ngành, địa phương.

3. Văn phòng UBND tỉnh:

- Chỉ đạo Cổng thông tin điện tử tỉnh thực hiện nâng cấp Hệ thống Cổng Thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định. Bổ sung

những tính năng cá thể hóa cách tiếp cận dịch vụ; cá thể hóa thực hiện dịch vụ và cá thể hóa về trả kết quả dịch vụ để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Triển khai ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công theo Công văn số 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nâng cao mức độ người dân được tham gia cùng cơ quan nhà nước giải quyết các vấn đề của địa phương với chính quyền: Công bố công khai kênh tiếp nhận phản ánh (Cổng Dịch vụ công, App di động, tin nhắn trên nền tảng liên lạc); Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn và mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua Cổng Dịch vụ công, qua ứng dụng di động, qua tin nhắn trên các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger,…) và qua các kênh khác (sử dụng hình thức điện tử).

4. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, kịp thời tham mưu xây dựng chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo hàng năm gồm: Tổng kinh phí chi cho An toàn thông tin *(Kinh phí giám sát; kiểm tra, đánh giá; diễn tập, ứng cứu sự cố; đào tạo, tập huấn; tuyên truyền về an toàn thông tin).* Tổng kinh phí chi cho chính quyền số, xã hội số, kinh tế số theo phân cấp ngân sách hiện hành.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt tối thiểu 50% số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Nội Vụ: Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Nghiên cứu đề xuất, khuyến khích các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học trên địa bàn tỉnh đào tạo về chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số *(hoàn thiện các mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).*

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người lao động.

9. Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thúc đẩy các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng sàn thương mại điện tử Vỏ sò và Postmart.

10. Cục thuế tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thúc đẩy doanh nghiệp nộp thuế điện tử, đảm bảo mục tiêu cuối năm 2023 tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 100%.

11. Công an tỉnh: Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện việc cấp danh tính số/tài khoản định danh điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh theo quy định.

12. Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Nghệ An: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn khuyến khích, hỗ trợ người dân từ 15 tuổi trở lên mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

Phụ lục 1: DANH MỤC CÁC CHỈ THỊ, KẾ HOẠCH, QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SỐ 586/KH-UBND

STT	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu
I	**CHỈ THỊ**		
1	23-CT/TU	27/5/2023	Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
II	**KẾ HOẠCH**		
1	605/KH-UBND	31/08/2022	Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
2	658/KH-UBND	27/09/2022	Kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
3	630/KH-UBND	14/09/2022	Kế hoạch chuyển đổi số hệ thống Thư viện công cộng trên địa tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
4	774/KH-UBND	08/11/2022	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn 2030
5	76/KH-UBND	15/02/2023	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2023
6	102/KH-UBND	23/02/2023	Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo Nghệ an đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
7	132/KH-UBND	03/03/2023	Kế hoạch thực hiện chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025
8	244/KH-UBND	10/04/2023	Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030
9	347/KH-UBND	24/05/2023	Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
10	403/KH-UBND	13/06/2023	Kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025
11	420/KH-UBND	15/06/2023	Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023

12	450/KH-TBATANM	27/06/2023	Kế hoạch tổ chức Hội nghị tập huấn công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạngtrên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023
13	634/KH-UBND	29/08/2023	Kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
14	671/KH-UBND	11/09/2023	Kế hoạch phát triển Hạ tầng số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025
III	**QUYẾT ĐỊNH**		
1	3632/QĐ-UBND	18/11/2022	Quyết định hành danh sách mã định danh các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An
2	3/2023/QĐ-UBND	10/01/2023	Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An
3	1321/QĐ-BCĐCĐS	15/05/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An
4	1082/QĐ-UBND	19/04/2023	Quyết định về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành;các huyện, thành phố,thị xã và các xã, phường, thị trấn tỉnh Nghệ An
5	1041/QĐ-UBND	17/04/2023	Quyết định về việc thành lập Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Nghệ An
6	1915/QĐ-UBND	04/7/2023	Quyết định về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Nghệ An

Phụ lục 2: DANH SÁCH CÁC NỀN TẢNG, HỆ THỐNG DÙNG CHUNG TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH NGHỆ AN

TT	Tên hệ thống	Đơn vị chủ trì triển khai	Hình thức triển khai
1.	Cổng thông tin điện tử	Cổng TTĐT	Thuê dịch vụ CNTT
2.	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Cổng TTĐT	Thuê dịch vụ CNTT
3.	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Sở TT&TT	Thuê dịch vụ CNTT
4.	Hệ thống thư điện tử công vụ	Cổng TTĐT	Thuê dịch vụ CNTT
5.	Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An	Văn phòng UBND tỉnh	Thuê dịch vụ CNTT
6.	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT	Thuê dịch vụ CNTT
7.	Cổng thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Nghệ An	Sở Du lịch	Thuê dịch vụ CNTT
8.	Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ công chức, viên chức, người lao động	Sở Nội vụ	Thuê dịch vụ CNTT
9.	Hệ thống thu thập, thẩm định và chia sẻ dữ liệu tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT	Đầu tư, tự vận hành
10.	Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo	Trung tâm CNTT&TT	Hệ thống do Thanh tra Chính phủ đầu tư
11.	Phần mềm quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Hệ thống do Bộ Tài chính đầu tư
12.	Phần mềm giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thuê dịch vụ CNTT
13.	Hệ thống Quản lý học tập trực tuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thuê dịch vụ CNTT
14.	Hệ thống khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế	Sở Y tế	Thuê dịch vụ CNTT
15.	Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Nghệ An	Sở Công Thương	Đầu tư, tự vận hành
16.	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Nghệ An	Trung tâm CNTT&TT	Đầu tư, tự vận hành
17.	Nền tảng hội nghị trực tuyến cho cơ quan nhà nước	Trung tâm CNTT&TT	Triển khai theo hệ thống của Bộ TT&TT
18.	Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II	Sở TT&TT	Thuê dịch vụ CNTT
19.	Thí điểm Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Nghệ An (IOC)	Trung tâm CNTT&TT	Thí điểm

Phụ lục 3: RÀ SOÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DANH MỤC NHIỆM VỤ VỀ TUYÊN TRUYỀN VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ CỦA CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP THEO KẾ HOẠCH SỐ 586/KH-UBND

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Kết quả
1	Xây dựng bản tin Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An (định kỳ mỗi năm 4 số, trung bình 1 số/quý)	Sở TT&TT	2022-2025	Đã xuất bản Bản tin chuyển đổi số từ năm 2022, trung bình mỗi Quý 01 số
2	Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục; các phóng sự, chuyên đề, các tài liệu tuyên truyền sâu, rộng đến mọi người dân, người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế về hiệu quả và kết quả của chuyển đổi số	Đài PT&TH, Báo Nghệ An, Văn phòng UBND tỉnh (Cổng TTĐT tỉnh), Sở TT&TT (Trung tâm CNTT&TT)	2022-2025	Đài PT&TH, Báo Nghệ An, Cổng TTĐT tỉnh Nghệ An, Trung tâm CNTT&TT đã xây dựng riêng các chuyên trang từ Quý III năm 2022
3	Tổ chức Hội thảo, các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về xu hướng, định hướng chiến lược mới về chuyển đổi số cho lãnh đạo các cấp, các ngành	Sở TT&TT, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022-2025	9 tháng đầu năm 2023, đã có 12 UBND huyện, 5 sở, ban, ngành Tổ chức Hội thảo, các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về xu hướng, định hướng chiến lược mới về chuyển đổi số
4	Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến	Sở TT&TT	2023-2025	UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 15/6/2023 về việc bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023 với 37.00 học viên. Ngoài ra, Sở TT&TT năm 2023 tổ chức 34 lớp với 2.586 học viên bồi dưỡng các kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng
5	Đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các cấp của các cơ quan nhà nước trong tỉnh	Sở TT&TT	2022-2025	
6	Xây dựng và triển khai nền tảng học trực tuyến mở đại trà	Sở TT&TT	2023-2025	Hiện đang triển khai Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 15/6/2023 trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà Onetouch của Bộ Thông tin và Truyền thông

Phụ lục 4: RÀ SOÁT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Tình hình triển khai	Đánh giá
I	**Chính quyền số**				
1	Duy trì, cập nhật Kiến trúc CQĐT tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT	2022-2025	Hiện đang trình chủ trương xây dựng kiến trúc CQĐT tỉnh Nghệ An phiên bản 3.0	Hoàn thành
2	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
3	Duy trì, nâng cấp hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An	Văn phòng UBND tỉnh	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
4	Thuê mạng truyền số liệu chuyên dùng	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
5	Xây dựng hệ thống thông tin nguồn	Sở TT&TT	2023-2025	Đang triển khai các thủ tục đầu tư	Hoàn thành
6	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An	Văn phòng UBND tỉnh	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
7	Nâng cấp Hệ thống thư công vụ của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	2022-2025	Đang tổ chức đấu thầu	Hoàn thành
8	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với bộ, ngành, trung ương.	Văn phòng UBND tỉnh	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
9	Duy trì và nâng cấp thiết bị Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Tình hình triển khai	Đánh giá
10	Thuê dịch vụ CNTT: Cổng Thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025	Sở Du lịch	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
11	Hệ thống phần mềm quản lý các dự án đầu tư tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
12	Xây dựng các hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) có khả năng kết nối với Trung ương (Trục kết nối liên thông, hệ thống quản lý danh mục dùng chung, định danh điện tử, hệ thống giám sát, CSDL dùng chung)	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
13	**Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC)**	**Trung tâm CNTT-TT**	**2022-2025**	**Đang triển khai đánh giá kết quả thí điểm**	**Chưa hoàn thành**
14	Thuê Hệ thống thông tin phục vụ họp không giấy tờ	Văn phòng UBND tỉnh	2022-2025	Đang triển khai các thủ tục đầu tư	Hoàn thành
15	**Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án thí điểm xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030**	**Sở TT&TT**	**2022-2025**	**Đang triển khai đánh giá kết quả thí điểm, chưa xây dựng kế hoạch**	**Chưa hoàn thành**
16	Triển khai Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của	Sở TT&TT	2022-2025	Hoàn thành một phần: Đã đưa vào hoạt động Kho dữ liệu tỉnh Nghệ An và xây dựng Quy chế Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số	**Chưa hoàn thành**

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Tình hình triển khai	Đánh giá
	cơ quan nhà nước			của các cơ quan nhà nước tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên các sở, ban, ngành, UBND các huyện chưa thực hiện xong việc xây dựng CSDL chuyên ngành và địa phương theo thẩm quyền	
17	Số hóa, xây dựng bản đồ số mạng viễn thông tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT	2023-2025	Đang triển khai các thủ tục đầu tư	Hoàn thành
18	Xây dựng phần mềm và bộ chỉ số đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương (bao gồm cấp huyện và cấp xã) trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT	2022-2025	Đang triển khai các thủ tục đầu tư phần mềm. Đã ban hành Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 19/04/2023 về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành;các huyện, thành phố,thị xã và các xã, phường, thị trấn tỉnh Nghệ An	Hoàn thành
II	**Bảo đảm An toàn thông tin**	Sở TT&TT			
1	Mua sắm, cài đặt hệ thống phòng chống virus, mã độc tập trung tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
2	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)	Sở TT&TT	2022-2025	Đang tổ chức đấu thầu thuê dịch vụ CNTT	Hoàn thành
3	**Đầu tư thiết bị đầu cuối kèm các giải pháp kỹ thuật phục vụ bảo mật cho lãnh đạo UBND tỉnh, các đơn vị cấp sở và UBND cấp huyện**	**Sở TT&TT**	**2023**	**Đã có tờ trình, hiện nay đang chờ Sở Tài chính tham mưu nội dung này.**	**Chưa hoàn thành**
4	Đầu tư trang thiết bị, kết nối mạng	Các Sở, ban, ngành	2022-2025	Đang triển khai	Hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Tình hình triển khai	Đánh giá
	đồng bộ đạt chuẩn kỹ thuật trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã	liên quan			
5	Xây dựng các hệ thống kỹ thuật, hệ thống thông tin bảo đảm ATTT phục vụ phát triển Chính quyền điện tử; triển khai các hoạt động bảo đảm ATTT theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
6	**Triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo, đầu tư công cụ rò quét lỗ hổng, mã độc, hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng**	**Sở TT&TT**	**2022-2025**	**Đã có tờ trình, hiện nay đang chờ Sở Tài chính tham mưu nội dung này.**	**Chưa hoàn thành**
III	**Phát triển nhân lực Chuyển đổi số**				
1	Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
2	Đào tạo, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
3	Tăng cường công tác tuyên truyền về: chuyển đổi số, phát triển Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh	Sở TT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Tình hình triển khai	Đánh giá
4	Trang bị mới, nâng cấp cơ sở vật chất phòng học phục vụ đào tạo chuyển đổi số tại Trung tâm CNTT&TT Nghệ An	Trung tâm CNTT&TT	2022-2025	Đã triển khai	Hoàn thành
5	Xây dựng và triển khai nền tảng học trực tuyến mở đại trà	Sở TT&TT	2023-2025	Đã triển khai hệ thống Onetouch của Bộ Thông tin và Truyền thông	Hoàn thành
IV	**Chuyển đổi số các lĩnh vực**				
1	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành - Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo Dục và Đào tạo	2022-2025	Đang triển khai	Chưa hoàn thành
2	**Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành - Y tế**	**Sở Y tế**	**2022-2025**	**Chưa triển khai**	**Chưa hoàn thành**
3	**Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành An sinh xã hội**	**Sở Lao động-TB&XH**	**2022-2025**	**Chưa triển khai**	**Chưa hoàn thành**
4	Xây dựng CSDL, HTTT dùng chung quản lý Công chứng Chứng thực	Sở Tư Pháp	2022-2025	Đã triển khai hệ thống quản lý Công chứng Chứng thực	Hoàn thành
5	**Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Văn hóa**	**Sở Văn hóa và Thể thao**	**2022-2025**	**Chưa triển khai**	**Chưa hoàn thành**
6	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung ngành Nội vụ	Sở Nội vụ	2022-2025	Đã triển khai hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ công chức, viên chức, người lao động, số hóa được hơn 74 ngàn hồ sơ trên hệ thống	Hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Tình hình triển khai	Đánh giá
7	**Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Nông nghiệp**	**Sở Nông nghiệp và PTNT**	**2022-2025**	**Chưa triển khai**	**Chưa hoàn thành**
8	**Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Công Thương**	**Sở Công Thương**	**2022-2025**	**Chưa triển khai**	**Chưa hoàn thành**
9	**Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT do bộ, ngành triển khai**	**Các Sở, ban, ngành liên quan**	**2022-2025**	**Đang triển khai**	**Chưa hoàn thành**

Phụ lục 5: RÀ SOÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT 09/NQ-TU VÀ KẾ HOẠCH SỐ 586/KH-UBND

TT	Mục tiêu đến năm 2025	Kết quả tính đến tháng 8 năm 2023	Đánh giá
I	**Về chính quyền số**		
1	100% cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng;	100%	Đạt
2	100% cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây	100%	Đạt
3	100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số	Đang triển khai kế hoạch 420/KH-UBND	Dự kiến đạt chỉ tiêu trong năm 2023
4	**100% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin**	**15/42 (34%) đơn vị bố trí cán bộ chuyên trách CNTT**	**Chưa đạt**
5	Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia.	Đã hoàn thành triển khai	Đạt
6	**Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên**	**49,56% (số liệu xuất từ hệ thống Cổng DVC Quốc gia)**	**Chưa đạt**
7	Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	91,74% (số liệu xuất từ hệ thống Cổng DVC Quốc gia)	Đạt
8	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước, hồ sơ công việc có nội dung mật).	98%/98%/97% (số liệu xuất từ hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-IOffice)	Đạt
9	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia	100%	Đạt
10	100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Chính phủ	100%	Đạt
11	**Từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông trên 80% cơ sở dữ liệu của các ban, sở, ngành để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời**	**Chưa ban hành danh mục dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước của tỉnh**	**Chưa đạt**
II	**Về kinh tế số**		

1	**Kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP.**	**7,38%**	**Chưa đạt**
2	**Từ 80% người dân 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.**	**76%**	**Chưa đạt**
3	Phấn đấu có ít nhất từ 01 đến 02 cơ sở giáo dục triển khai đào tạo về thương mại điện tử	Đã có ngành Thương mại điện tử của Trường Đại học Vinh	Đạt
4	**Trên 3.000 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ kinh doanh, cán bộ công chức, viên chức, sinh viên, thanh niên khởi nghiệp được tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về thực thi pháp luật và kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử.**	**Đã tổ chức 05 lớp với 1.200 lượt học viên**	**Chưa đạt**
5	**Từng bước hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp số và hợp tác xã số**	**Chưa có số liệu thống kê**	**Chưa đạt**
6	100% hộ sản xuất nông nghiệp được lập danh sách và chuẩn hóa, số hóa dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	100%	Đạt
III	**Về xã hội số**		
1	Trên 50% người dùng thiết bị đầu cuối thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh.	**Chưa có số liệu thống kê**	**Chưa đạt**
2	50% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.	**Chưa có số liệu thống kê**	**Chưa đạt**
3	Triển khai thí điểm và nhân rộng các dịch vụ số (y tế, giáo dục, giao thông, an ninh, trật tự, du lịch…) thuộc hệ thống dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Hoàng Mai.	Đã triển khai	Đạt

DANH SÁCH CÁC THÔN, BẢN HIỆN CHƯA CÓ ĐIỆN LƯỚI VÀ KẾ HOẠCH CẤP ĐIỆN CHO CÁC THÔN, BẢN

TT	Tên địa danh	Khả năng cấp điện lưới	Rà soát của các huyện
I. Huyện Kỳ Sơn (11 thôn, bản)			
	Xã Tây Sơn		
1	*Bản Đổng Trên*	Đã được đưa vào danh mục CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
2	*Bản Đổng Dưới*	Đã được đưa vào danh mục CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
	Xã Mỹ Lý		
1	*Bản Xốp Dương*	Đã được đưa vào danh mục CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
2	*Bản Cha Nga*	Đã được đưa vào danh mục CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
3	*Bản Phà Chiếng*	Đã được đưa vào danh mục CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
4	*Bản Nhọt Lợt*	Đã được đưa vào danh mục CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
	Xã Na Loi		
1	*Bản Huổi Xàn*	Chưa có khả năng nối điện lưới	Đã được thực hiện theo Quyết định số 1599/QĐ-EVNNPC của EVN
	Xã Mường Lống		
1	*Bản Long Kèo*	Đã được cấp điện	
2	*Bản Huổi Khun*	Đã được đưa vào danh mục CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
	Xã Bắc Lý		
1	*Bản Phia Khăm 2*	Chưa có khả năng nối điện lưới	Đã được thực hiện theo Quyết định số 1599/QĐ-EVNNPC của EVN
	Xã Keng Đu		
1	*Bản Huổi Cảng*	Đã được đưa vào danh mục CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	

II. Huyện Quế Phong (10 thôn, bản)			
	Xã Nậm Nhóng		
1	*Bản Nhọt Nhóng*	Có khả năng nối điện lưới	Đã được đầu tư bằng nguồn vốn CTMTQG
2	*Bản Na Khích*	Có khả năng nối điện lưới	Đã được đầu tư bằng nguồn vốn CTMTQG
3	*Bản Pà Lậu*	Có khả năng nối điện lưới	Đã được đầu tư bằng nguồn vốn CTMTQG
	Xã Cắm Muộn		
1	*Bản Ná Quỵa*	Chưa có khả năng nối điện lưới	
2	*Bản Ná Lán*	Chưa có khả năng nối điện lưới	
3	*Bản Huôi Máy*	Chưa có khả năng nối điện lưới	
	Xã Tri Lễ		
1	*Bản Kèm Ải*	Có khả năng nối điện lưới	
2	*Bản Huôi Mới 2*	Có khả năng nối điện lưới	Đã được đầu tư lưới điện quốc gia
3	*Bản Mường Lống*	Chưa có khả năng nối điện lưới	Đã được đầu tư lưới điện quốc gia
4	*Bản Na Lịt*	Có khả năng nối điện lưới	Đã được đầu tư lưới điện quốc gia
III. Huyện Quỳ Hợp (03 bản, điểm dân cư)			
	Xã Nam Sơn		
1	*Bản Xừ*	Chưa có khả năng nối lưới	
	Xã Bắc Sơn		
1	*Nhóm hộ dân ở xung quanh Khe Quác thuộc bản Hiêng*	Chưa có khả năng nối điện lưới	
2	*Nhóm hộ dân ở tại Thung Manh thuộc bản Manh*	Chưa có khả năng nối điện lưới	
IV. Huyện Qùy Châu (01 thôn, bản)			
	Xã Châu Bình		
1	*Bản Bình Quang*	Chưa có khả năng nối điện lưới	
V. Biển đảo (BCHQS)			
	Thị xã Cửa Lò		
1	*Đảo Mắt*		

(Nguồn số liệu: Sở Công Thương)